SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN MẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 354 /BVM-HCQT
Về việc mời báo giá "Cung cấp và lắp đặt thay thế 02 thang máy tòa nhà Khu B của Bệnh viện Mắt".

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2024

Kính gửi : Quý Công ty.

Bệnh viện Mắt chuẩn bị triển khai thực hiện gói thầu "Cung cấp và lắp đặt thay thế 02 thang máy tòa nhà Khu B của Bệnh viện Mắt" gồm các thông tin sau:

- Địa điểm thực hiện: 280 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian thực hiện: Năm 2024.
- Nội dung công việc cụ thể như sau:

STT	Tên gói thầu	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật tham khảo
1	Cung cấp và lắp đặt thay thế 02 thang máy tòa nhà Khu B của Bệnh viện Mắt	thang	02	Theo bảng đính kèm văn bản này

Quý Công ty có nhu cầu và đủ năng lực xin mời gửi bảng báo giá kèm Giấy đăng ký kinh doanh về phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt (Địa chỉ: Số 280 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) trước 16 giờ 00' ngày 10/4/2024.

Quý Công ty có thể liên hệ khảo sát kích thước hố thang, vị trí lắp đặt thang máy,.....trước khi báo giá. Chi tiết liên hệ khảo sát:

- Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt – Số 280 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 39 325 374 Fax: 028 39 326 163

Lưu ý:

- Báo giá ghi rõ thời hạn và có ký tên đóng dấu xác thực của Quý Công ty.
- Đặc tính kỹ thuật đính kèm văn bản này dùng để tham khảo, Quý Công ty có thể báo giá thông số kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn thông số này nhưng phải đảm bảo thông số kỹ thuật do Quý Công ty đề xuất phải đáp ứng yêu cầu về kích thước hố thang máy hiện hữu của bệnh viện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HCQT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BỆNH VIỆN MẮT

Lê Anh Tuấn

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
(MAIN SPECIFICATIONS)

(Đính kèm Văn bản số 354 /BVM-HCQT ngày 04/4/2024)

*** Hạng mục: Cung cấp và lắp đặt thay thế 02 thang máy tòa nhà Khu B của Bệnh viện Mắt.**

Thang máy tải băng ca B1-B2.

I. Đặc Tính Kỹ Thuật Cơ Bản *(Basic Specifications)*		
Hãng sản xuất *(Manufacturer)*		Do nhà thầu đề xuất *Recommended by the contractor*
Mã hiệu *(Model)*		Do nhà thầu đề xuất *Recommended by the contractor*
Xuất xứ, nơi sản xuất hàng hóa *(Origin)*		Thái Lan hoặc các nước thuộc khối G7
Số lượng *(Quantity)*		02 thang *(02 set)*
Loại thang *(Use)*		Tải khách và băng ca *(Passenger)*
Tải trọng *(Capacity)*		≥ 1.250kg/ 16 người *(≥ 1.250 kg/ 16 persons)*
Tốc độ *(Speed)*		≥ 60mét/phút/ 1.0m/s *(≥ 60mpm/ 1.0m/s)*
Số điểm dừng *(Stops and opening)*		06
Tầng phục vụ *(Sevice floor)*		G, 1, 2, 3, 4, 5 (OH)
Tầng không phục vụ *(Non - Sevice floor)*		Không *(None)*
Cửa thoát hiểm *(Emergency landing doors)*		Không *(None)*
Loại mở cửa *(Door-Gate type)*		1D-1G
Hệ thống vận *hành (Operation)*		Điều khiển đôi 2C-2BC (Duplex)
Loại cửa *(Door type)*		Hai cánh cửa tự động lùa về một phía - 2S (2-Panel side sliding Doors - 2S)
Vị trí đối trọng *(CWT location)*		Bên hông phòng thang *(Side drop)*
An toàn đối trọng *(CWT safety)*		Không cung *cấp (Not provided)*
Thanh dẫn hướng *(Rail)*	Cabin *(Car)*	T75-3/B
	Đối trọng *(CWT)*	T75-3/B
Vị trí phòng máy *(Machine location)*		Ngay trên hố thang *(Direct above the hoist-way)*
Cấu trúc hố thang *(Hoistway structure)*		Tường gạch, cột, đà bê tông cốt thép *(Brick walls, reinforced concrete pillar)*
Nguồn điện chính *(Power supply)*		Xoay chiều 3 phase, 380V, 50Hz *(AC 3-phase, 380V, 50Hz)*
Nguồn điện chiếu sáng *(Lighting supply)*		Xoay chiều 1 phase, 220V, 50Hz *(AC 1 phase, 220V, 50Hz)*

Hệ điều khiển *(Control system)*	+ Động cơ chính và động cơ cửa cabin được điều khiển bằng phương pháp đổi điện áp và biến đổi tần số VVVF (*VVVF invertors control and data network system with distributed microprocessor)* + Toàn bộ hệ thống điều khiển thang máy dùng vi xử lý (*Microprocessor*)
Công suất động cơ	≥ 9.9 kW
Tiêu chuẩn áp dụng chính *(Main code)*	Melco standard

II. Các thông số kích thước liên quan (mm) *(Dimensional provision)*	
Kích thước phòng thang *(Car internal size)*	1400mm (Rộng/W) x 2400mm (Sâu/D) x 2200mm (Cao/H)
Kích thước cửa *(Door opening size)*	1.200mm (Rộng/W) x 2.100 (Cao/H)
Kích thước hố thang *(Hoistway size)*	2200mm (Rộng/W) x 3300mm (Sâu/D)
Kích thước phòng máy *(Mahine room size)*	Theo bản vẽ thang máy *(As elevator drawing)*
Chiều sâu Pit *(Pit depth)*	1650mm
Đỉnh giếng *(Overhead height)*	4500mm
Hành trình *(Travel)*	Theo thực tế
Chiều cao phòng máy *(Mahine room height)*	Min. 2000mm

III.* Thiết Kế Phòng Thang *(Car design)	
Trần xe thang *(Car ceiling)*	chọn theo catalogue. *(as in catalogue)*
Vách phòng thang *(Car wall)*	Inox sọc nhuyễn SUS-430J1L *(Stainless steel hairlines SUS-430J1L)*
Cửa phòng thang *(Car door)*	Inox sọc nhuyễn SUS-430J1L *(Stainless steel hairlines SUS-430J1L)*
Vách trước *(Front return panel)*	Inox sọc nhuyễn SUS-430 *(Stainless steel hairlines SUS-430)*
Đố cửa *(Transom panel)*	Inox sọc nhuyễn SUS-430 *(Stainless steel hairlines SUS-430)*
Viền chân vách phòng thang *(Kick plate)*	Inox sọc nhuyễn SUS-430J1L *(Stainless steel hairlines SUS-430J1L)*
Sàn thang *(Flooring)*	Đá granite sản xuất trong nước (hoặc nhập khẩu), và bề dày 20 mm *(local granite).*
Khối lượng trang trí *(Decoration weight)*	Không *(No)*
Ngưỡng cửa cabin *(Car sill)*	Nhôm cứng định hình *(Extruded hard aluminum)*
Bảng điều khiển cabin *(Car operating panel)*	Kiểu CBV1-N710, mặt inox sọc nhuyễn SUS430, dày 2mm *(Model CBV1-N710, SUS430 faceplate, t2)*
Tay vịn *(Handrail)*	Inox dẹp, gắn ở 03 vách phòng thang.

Gương *(Mirror)*	Không cung *cấp (Not provided)*
Ký tự Braille cho người khiếm th *(Braille letter)*	Không cung *cấp* *(Not provided)*
Lối thoát hiểm khẩn cấp *(Emergency exit)*	Trên trần xe thang *(Provided on the ceiling)*
Quạt thông gió *(Ventilation)*	Trên trần xe thang *(Provided on the ceiling)*

IV.* Thiết Kế Cửa Tầng *(Entrance design)		
Kiểu thiết kế *(Entrance model)*	Tầng chính *(Main floor)*	khung bản hẹp *(Narrow Jamb)*
	Tầng khác *(Other floors)*	khung bản hẹp *(Narrow Jamb)*
Khung cửa *(Door frames /jamb)*	Tầng chính *(Main floor)*	Inox sọc nhuyễn SUS-430J1L *(Stainless steel hairlines SUS-430J1L)*
	Tầng khác *(Other floors)*	Inox sọc nhuyễn SUS-430J1L *(Stainless steel hairlines SUS-430J1L)*
Cửa tầng *(Landing door)*	Tầng chính *(Main floor)*	Inox sọc nhuyễn SUS-430J1L *(Stainless steel hairlines SUS-430J1L)*
	Tầng khác *(Other floors)*	Inox sọc nhuyễn SUS-430J1L *(Stainless steel hairlines SUS-430J1L)*
Nút bấm & đèn báo *(Hall position indicator & call button)*	Tầng khác *(Other floors)*	hộp nhựa, mặt inox sọc nhuyễn SUS304 dày 1.5mm *(SUS304 faceplate with plastic case, t1.5)* (1 bảng/ 1 thang/ tầng)
	Tầng trên cùn *(Top floor)*	hộp nhựa, mặt inox sọc nhuyễn SUS304 dày 1.5mm *(SUS304 faceplate with plastic case, t1.5)* (1 bảng/ 1 thang/ tầng)
	Tầng chính *(Main floor)*	hộp nhựa, mặt inox sọc nhuyễn SUS304 dày 1.5mm *(SUS304 faceplate with plastic case, t1.5)* (1 bảng/ 1 thang/ tầng)
Cửa chống cháy *(Fireproof door)*		Không cung *cấp* *(Not provided)*

V. Các Tính Năng (Features)	
Safe Landing - SFL *(Dừng tầng an toàn)*	The car will move to the nearest floor at a low speed and the doors will open if it is considered safe to move the car. *(Thang sẽ di chuyển đến tầng gần nhất với tốc độ chậm và mở cửa khi thang có sự cố và được nhận định là an toàn khi di chuyển)*
Next Landing - NXL *(Dừng thang tại tầng kế tiếp)*	The car automatically moves to next or nearest floor when the elevator door does not open fully at destination floor. *(Dừng thang tại tầng tiếp theo khi cửa tầng đến không mở được)*
Overload Holding Stop - OLH *(Dừng an toàn khi quá tải)*	The doors remain open and car will not leave until enough passenger exits the car. *(Cửa mở và thang không di chuyển khi thang quá tải)*

Car Call Canceling - CCC *(Huỷ lệnh gọi thang)*	Cancel car call in other direction as mistake when a car has responded to the final car call in one direction. *(Hủy lệnh gọi thang trong cabin khi lệnh này không phù hợp chiều hoạt động)*
Independent Service - IND *(Phục vụ độc lập)*	Exclusive operation, a car withdraws from group control and responds only to car call. *(Chức năng phục vụ độc lập, thang sẽ tách khỏi nhóm và chỉ phản hồi các cuộc gọi trong phòng thang)*
Door Sensor Self-diagnosis - DODA *(Tự phân tích lỗi cảm biến cửa)*	Failure of non-contact door sensors is checked automatically, and if a problem is diagnosed, the door close timing is delayed and the closing speed is reduced to maintain elevator service and ensure passenger safety. *(Hệ thống sẽ tự động kiểm tra lỗi của cảm biến cửa, nếu cảm biến cửa bị lỗi, hệ thống sẽ xử lý bằng cách trì hoãn thời gian đóng cửa và giảm tốc độ đóng cửa để duy trì phục vụ và bảo đảm an toàn cho hành khách)*
Automatic Door Speed Control **-DSAC** *(Điều chỉnh tốc độ cửa tự động)*	Door speed control automatically depends on door load on each floor. *(Tự động điều chỉnh tốc độ đóng/mở cửa tại mỗi tầng dựa vào khối lượng đối trọng của cửa tầng)*
Reopen with Hall Button - ROHB *(Mở cửa lại bằng nút gọi tầng)*	Closing doors can be reopened by pressing the hall button corresponding to the traveling direction. *(Mở cửa trở lại bằng nút gọi tầng phù hợp với chiều di chuyển của thang)*
Repeated Door- Close - RDC *(Đóng của lặp lại)*	The doors will repeatedly open and close until the obstacle is cleared from the door way. *(Đóng cửa lặp lại đến khi chướng ngại vật bị loại bỏ)*
Emergency Car Lighting - ECL *(Đèn chiếu sáng khẩn cấp)*	Car lighting which turns on immediately when power fails, providing a minimum level of lighting within the car. *(Khi có sự cố về điện, đèn chiếu sáng khẩn cấp sẽ bật lên và cung cấp 01 lượng ánh sáng tối thiểu cho cabin)*
Door Nudging Feature - NDG *(Đóng cửa cưỡng bức)*	A buzzer sounds and the doors slowly close when they have remained open for longer than the preset period. *(Chức năng đóng cửa cưỡng bức, có âm thanh cảnh báo và cửa sẽ từ từ đóng lại nếu quá thời gian chờ cho phép)*
Door Load Detector - DLD *(Phát hiện kẹt cửa)*	When excessive door load has been detected while opening or closing, the door immediately reverses. *(Phát hiện kẹt cửa, cửa sẽ tự động mở ngược lại)*
Automatic Bypass - ABP *(Bỏ qua lệnh gọi tầng)*	A fully-load car bypasses hall calls in order to maintain maximum operation efficiency. *(Tự động bỏ qua lệnh gọi tầng khi thang đầy tải)*

Automatic Hall Call Registraion **- FSAT** *(Tự động đăng ký lệnh gọi tầng)*	Another car will automatically be assigned when one car cannot carry all waiting passengers. *(Tự động đăng ký lệnh gọi tầng khi một thang trong nhóm bị quá tải)*
Inter Communication System - ITP *(Hệ thống liên lạc nội bộ)*	The system allows communication between passengers inside a car and the building personnel. *(Hệ thống liên lạc nội bộ giữa khách trong thang và phụ trách của toà nhà)*
Mitsubishi Emergency Landing Device - MELD *(Đưa thang về bằng tầng khi mất điện)*	Upon power failure, a car automatically moves and stops at the nearest floor and the doors open. *(Chức năng đưa thang về tầng gần nhất khi bị mất điện)*
Safety Door Edge - SDE-One side *(An toàn bằng thanh cơ khí, 1 thanh)*	Sensitive door edge detects passengers or objects during door closing. *(Chức năng an toàn cửa bằng thanh cơ khí – 1 thanh)*
Multi-beams *(Mành tia hồng ngoại)*	Multi-beams cover the full width of the doors as they close to detect passengers or objects. (Cannot be combined with the multi-beam door sensor or MBSS feature). *(Hai tia hồng ngoại được trang bị phủ rộng chiều rộng cửa để phát hiện hành khách hoặc các đối tượng khi đóng cửa.(Không thể sử dụng đồng thời cùng với các chức năng MBS hay MBSS)*
Car Light Shut Off Automatic **-CLO-A** *(Tự động tắt đèn)*	If there are no calls for a specified period, the car lighting will automatically be turned off to conserve energy. *(Tự động tắt đèn trong cabin, để tiết kiệm năng lượng khi thang không có lệnh gọi)*
Car Fan Shut Off Automatic - CFO-A *(Tự động tắt quạt)*	If there are no calls for a specified period, the fan will automatically be turned off to conserve energy. *(Tự động tắt quạt thông gió trong cabin, để tiết kiệm năng lượng khi thang không có lệnh gọi)*
False Call Canceling – Car Button Type – FCC-P *(Huỷ lệnh gọi bằng tay)*	If the wrong car button is pressed, it can be canceled by quickly pressing the same button again twice. *(Nếu nhập lệnh sai có thể huỷ bằng cách nhấn nhanh 2 lần vào nút sai)*
False Call Canceling - Hall Button Type – FHC-P *(Hủy cuộc gọi bằng nút gọi ngoài cửa tầng)*	If the wrong hall button is pressed, it can be canceled by quickly pressing the same button again twice. *(Hủy cuộc gọi sai ngoài cửa tầng bằng cách nhấn nhanh nút gọi tương ứng 2 lần).*

Electronic Doorman – **EDM** *(Điều khiển cửa điện tử)*	Door open time is minimized using safety ray(s) or multi-beam door sensors that detect passengers boarding or exiting. *(Thời gian cửa mở được tối ưu nhờ sử dụng chức năng SR hoặc Muti - Beam Door Sensor để nhận biết hành khách đi vào hay đi ra khỏi thang máy).*
Car Arrival Chime (Car) – (AECC) *(Chuông báo khi cabin đến)*	Electronic chimes sound to indicate that a car will soon arrive. (The chimes are mounted either on the top and bottom of the car, or in each hall). *(Chuông trong cabin reo để báo vị trí thang đến)*
Emergency Bell - EMB *(Chuông báo khẩn cấp)*	Emergency bell (DC6V type) is provided to every car. Emergency bell rings while an alarm button on the car operating panel is pressed. *(Chuông báo khẩn cấp (loại DC6V) được cung cấp cho mỗi thang máy. Chuông sẽ vang lên khi nút động trên bảng điều khiển được nhấn)*
Fire Emergency Return - FER *(Hoạt động khi có hoả hoạn)*	Upon activation of a key switch or building's fire sensors, all calls are canceled, all cars return to specified evacuation floor and doors open. *(Chức năng hoạt động khi có hỏa hoạn, được kích hoạt bằng khoá hoặc cảm biến báo cháy của toà nhà, tất cả thang sẽ được chuyển đến tầng di tản và cửa mở ra)*
Continuity of Service - COS *(Phục vụ liên tục)*	A car is experiencing trouble is automatically withdraw from group control operation. *(Tự động chuyển lệnh gọi qua thang khác trong nhóm thang khi một thang có sự cố)*
Backup Operation for Group Control Microprocessor - GCBK *(Tự động tách nhóm)*	An operation by car controllers automatically starts when a microprocessor or transmission line in the group controller has failed. *(Tự động tách nhóm khi tủ nhóm có sự cố)*
Strategic Overall Spotting / SOHS *(Tự động điều tiết hoạt động nhóm)*	Cars have finished service are automatically directed to positions where they can respond to predicted hall call as quickly as possible. *Tự động điều tiết hoạt động của các thang trong nhóm vào giờ thấp điểm*
Extended Door - Open Button – **DKO – TB** *Nút nhấn kéo dài thời gian cửa mở*	When the button inside a car is pressed, the doors will remain open longer to allow loading and unloading of baggage, a stretcher, etc. *(Khi nút này trên bảng điều khiển trong phòng thang được nhấn, cửa sẽ được giữ mở lâu hơn khi cần lên hay xuống hàng hóa, giường bệnh...)*

Hospital Emergency Operation - Block Sign – **HE – B** *Duy trì vận hành khẩn cấp dùng tổ hợp phím*	This feature will be effective to carry a patient quickly with a bed elevator. By pressing the Door Open button and the DKO-TB button (must be supplied) simultaneously, the elevator will respond only to the car call. *(Tính năng này hiệu quả khi chuyển bệnh nhân nhanh chóng với thang tải bệnh. Bằng cách nhấn giữ tổ hợp phím nút mở cửa và nút chức năng DKO-TB (phải được cung cấp) đồng thời, thang máy sẽ chỉ đáp ứng các cuộc gọi trong phòng thang sau đó).*
False Call Canceling – Automatic - **FCC-A** *(Tự động huỷ cuộc gọi lỗi)*	If the number of registered car calls does not correspond to the car load, all calls are canceled to avoid unnecessary stops. *Nếu số cuộc gọi thang trong phòng thang không phù hợp với tải trọng, tất cả các cuộc gọi này sẽ bị hủy để tránh thang dừng khi không cần thiết.*
Exclusive operation signal light-Car – EXCLC *(Đèn báo hoạt động chế độ ưu tiên trong cabin)*	Exclusive operation signal light in Car *Đèn báo hoạt động chế độ ưu tiên trong cabin*
Exclusive operation signal light-Hall - EXCL *(Đèn báo hoạt động chế độ ưu tiên ở tầng)*	Exclusive operation signal light in hall *Đèn báo hoạt động chế độ ưu tiên ở tầng*

Toàn bộ thiết bị thang máy phải được nhập khẩu thể hiện trong chứng từ xuất xứ (C/O), từ năm 2024 trở về sau.

All main components are imported as shown in Certificate of Origin (C/O), in 2024 onwards.

Một số vật tư phụ của thang máy như: giá đỡ ray, ốc vít bắt vào tường, ắc-quy, bóng đèn, máng điện …có thể được cung cấp trong nước để phù hợp với kích thước thực tế của hố thang và tiêu chuẩn của thang máy.

Some auxiliary parts of the lifts, including but not limited to as: brackets, anchor bolts, battery, light bulb,trunking etc. are supplied locally.